TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 6 - 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Định, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn THành Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 10/6/2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Xóm B, xã M, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Nay là: Thôn BD, xã M, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị H, anh Q (chị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh Q vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Nam Định ngày 12/5/2005. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì giữa chị và anh Q phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q ham chơi, không chịu làm ăn, quan tâm gì đến gia đình, vợ con. Hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chị và anh Q thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Hai bên sống ly thân nhau từ năm 2010 cho đến nay, không còn quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm giữa chị

và anh Q không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là Nguyễn T, sinh ngày 08/12/2006, hiện nay cháu T đang sống cùng. Chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh Q đến làm việc nhưng anh Q vắng mặt không lý do.

Tại Biên bản làm việc ngày 21/4/2022, bà Nguyễn Thị K là chị gái của anh Nguyễn Văn Q cho biết: Anh Q kết hôn với chị H tại UBND xã Yên Mỹ ngày 12/5/2005. Quá trình kể từ khi chung sống giữa anh Q và chị H có mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì bà Kính không nắm rõ. Giữa anh Q và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn T, sinh ngày 08/12/2006 hiện cháu đang sống cùng chị H. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác có liên quan giữa anh Q và chị H không có gì liên quan. Khi Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết theo đơn khởi kiện ly hôn của chị Ngô Thị H, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho anh Q, anh Q đã nhận được và biết được việc chị H đang làm đơn ly hôn nhưng quan điểm của anh Q như thế nào thì bà Kính không nắm rõ, do bận đi làm nên anh Q không đến Tòa án để tham gia tố tụng được. Quan điểm của bà Kính và gia đình không mong muốn ai ly hôn.

Về phía địa phương xã Yên Mỹ cho biết: Anh Nguyễn Văn Q và chị Ngô Thị H kết hôn ngày 12/5/2005 tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống giữa anh Q, chị H như thế nào thì địa phương không được nắm rõ. Về con chung: Anh Q và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn T, sinh ngày 08/12/2006. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân giữa anh Q, chị H cụ thể thế nào địa phương không nắm rõ. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định để giải quyết vụ án theo đúng pháp luật.

3. Trong đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn T, sinh ngày 08/12/2006 trình bày nguyện vọng xin được ở cùng mẹ là chị Ngô Thị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, chị H có mặt, anh Q vắng mặt. Chị H có đơn đề nghị Toà án không tiến Hành hoà giải nên Tòa án không tiến Hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Q theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị H xin giải quyết vắng mặt. Anh Q mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị H đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị H.

Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn T, sinh ngày 08/12/2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh Q mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến Hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 12/5/2005 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa anh, chị không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra va chạm dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn với anh Q. Về phía anh Q, mặc dù anh biết việc chị H xin ly hôn, đã được Toà án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho anh chị nhưng anh Q vẫn cố tình vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha Hn gắn tình cảm với chị H nữa. Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng anh Q vẫn vắng mặt. Chị H đề nghị Toà án không tiến Hành hoà giải vụ án và kiên quyết xin ly hôn anh Q nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị H, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn T, sinh ngày 08/12/2006. Xét thấy, kể từ khi anh Q, chị H sống ly thân thì cháu T ở cùng với chị H, hiện cháu đang trong giai đoạn phát triển tâm sinh lý cần sự chia sẻ, chăm sóc từ người mẹ, hơn nữa nguyện vọng của cháu cũng mong muốn được ở cùng với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn T, sinh ngày 08/12/2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Ngô Thị H phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003559, ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Ý Yên, chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Văn Q được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi Hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Văn Anh